

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2013/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích
phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 02/2006/TT-BKH ngày 13/02/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều tại Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 20/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định, chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2062/TTr-SNN&PTNT ngày 28/12/2012 về việc phê duyệt Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 178/BC-STP ngày 31/8/2012 thẩm định dự thảo quyết định ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012-2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Đức Phổ, Lý Sơn và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển
hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND
ngày 15/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi về: thành lập; đào tạo, bồi dưỡng; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; đất đai và tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các hợp tác xã được thành lập theo Đề án Xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ, giai đoạn 2011 - 2015 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 20/4/2012 và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ VÀ NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ khuyến khích thành lập hợp tác xã

Hỗ trợ khuyến khích thành lập hợp tác xã theo dự toán được phê duyệt, cụ thể:

1. Tổ chức các lớp hướng dẫn tập trung:

a) Thù lao giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính 5 tiết học).

Tuỳ theo đối tượng, trình độ học viên mà các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các lớp hướng dẫn tập trung bố trí mời giảng viên, báo cáo viên từng cấp cho phù hợp. Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) theo quy định sau:

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh uỷ và các chức danh tương đương: 1.000.000 đồng/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Bí thư Tỉnh uỷ và các chức danh tương đương; Giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sỹ khoa học: 800.000 đồng/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó giáo sư; Tiến sỹ; giảng viên chính: 600.000 đồng/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên): 500.000 đồng/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống: 300.000 đồng/buổi.

b) Chi phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên theo chế độ công tác phí được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chi phụ cấp tiền ăn cho học viên (không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách Nhà nước):

- Đối với các lớp hướng dẫn do cấp tỉnh và huyện tổ chức: Mức chi hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/ngày/người.

- Đối với các lớp hướng dẫn do cấp xã tổ chức: Mức chi hỗ trợ tiền ăn 60.000 đồng/ngày/người.

d) Chi nước uống: 10.000 đồng/người/ngày;

đ) Các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức lớp hướng dẫn tập trung theo hoá đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ.

2. Chi thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hợp tác xã:

a) Chi phổ biến kiến thức, thông tin về hợp tác xã trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình) theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

b) Chi biên soạn in ấn tài liệu phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật về hợp tác xã, phương án sản xuất kinh doanh và điều lệ hợp tác xã theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Chi tư vấn trực tiếp:

a) Đối với hướng dẫn viên, cộng tác viên không phải là cán bộ, công chức:

- Thù lao: 15.000 đồng/giờ/người hướng dẫn trực tiếp;

- Chi phí đi lại: 15.000 đồng/ngày trong trường hợp đi, về trong ngày. Trường hợp đi tư vấn ở xa, phải nghỉ lại thì được thanh toán chế độ công tác phí như đối với cán bộ công chức đi công tác theo quy định;

b) Đối với cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tư vấn: Bồi dưỡng 70.000 đồng/buổi hướng dẫn trực tiếp (1 buổi tính bằng 4 giờ làm việc).

Điều 4. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã

1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng:

a) Các chức danh trong Ban Quản trị, Ban Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng;

b) Xã viên làm công việc chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các hợp tác xã;

c) Thuyền trưởng, máy trưởng.

2. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tiền vé tàu, xe đi và về (bao gồm cả vé đò, vé phà nếu có) bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay) từ trụ sở hợp tác xã đến cơ sở đào tạo theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

b) Hỗ trợ kinh phí mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khoá học (không bao gồm tài liệu tham khảo) theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

c) Hỗ trợ 50% chi phí ăn, ở theo mức cơ sở đào tạo quy định nhưng không vượt quá các mức chi theo Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao;

d) Hỗ trợ chi phí cho cơ quan tổ chức lớp học:

- Thuê hội trường, phòng học (nếu có): Theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

- Chi in chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá học, văn phòng phẩm, thuê phương tiện, trang thiết bị phục vụ giảng dạy: Theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

- Chi nước uống cho học viên: 10.000 đồng/người/ngày;

- Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính 5 tiết học): Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

- Chi phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo

cáo viên áp dụng theo Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 34/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Chi tổ chức tham quan, khảo sát thuộc chương trình khoá học: Tuỳ theo yêu cầu của khoá học có tổ chức tham quan, khảo sát được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong chương trình khoá học, các cơ sở đào tạo được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ để tổ chức tham quan, khảo sát cho học viên theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập: Áp dụng mức chi biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này khi được hợp tác xã cử đi đào tạo (chính quy hoặc tại chức) tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề được hỗ trợ 100% tiền học phí theo quy định của nơi đào tạo, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Ngành nghề đào tạo phải phục vụ trực tiếp cho hợp tác xã;
- Tuổi không quá 40;
- Đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo;
- Có quyết định cử đi học của Ban Quản trị;
- Cam kết bằng văn bản làm việc cho hợp tác xã ít nhất 5 năm sau khi tốt nghiệp.

Điều 5. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

Các hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ được ưu tiên giao quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở hạ tầng thuộc khu vực cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá khi cơ sở hạ tầng đó chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý, khai thác, sử dụng.

Điều 6. Hỗ trợ đất đai

1. Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ được ưu tiên vị trí, địa điểm thuận lợi để xây dựng trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, có mặt nước, bến bãi neo đậu tàu thuyền làm dịch vụ. Địa điểm cụ thể do chính quyền địa phương và hợp tác xã lựa chọn, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

2. Căn cứ vào quỹ đất của từng địa phương và nhu cầu sử dụng đất của hợp tác xã, Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất không thu tiền sử dụng đất cho hợp tác xã để xây dựng trụ sở hợp tác xã, sân phơi, nhà kho, các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ cho việc khai thác hải sản xa bờ.

Trong trường hợp đất được giao phải thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/hợp tác xã.

Điều 7. Hỗ trợ tín dụng

Hợp tác xã có dự án, phương án đầu tư khả thi được ngân hàng chấp thuận cho vay thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trong 01 năm đầu, hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay trong 02 năm kế tiếp với mức vay tối đa không quá 05 tỷ đồng/hợp tác xã.

Điều 8. Hỗ trợ khác

Đối với những nội dung và mức hỗ trợ không quy định tại các chính sách của quy định này thì các hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Kinh phí hỗ trợ

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã (bố trí từ kinh phí đào tạo bồi dưỡng hàng năm của ngân sách tỉnh); hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ đất đai (giải phóng mặt bằng) thông qua ngân sách huyện hàng năm.

2. Ngân sách huyện hỗ trợ kinh phí khuyến khích thành lập hợp tác xã từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách huyện.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Đức Phổ và Lý Sơn

1. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chính sách này đến từng cộng đồng ngư dân và chỉ đạo thực hiện nghiêm yết công khai tại các điểm thành lập hợp tác xã.

2. Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện chính sách này đến hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn.

3. Bố trí và quản lý nguồn kinh phí hỗ trợ khuyến khích thành lập mới hợp tác xã theo quy định.

4. Ưu tiên bố trí đất để các hợp tác xã xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất của hợp tác xã.

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đối với các hợp tác xã trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định này.

7. Tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ hợp tác xã trên địa bàn hàng năm, gửi Sở

Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí.

8. Hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ các hợp tác xã trên địa bàn huyện, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở ngành chức năng (Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện triển khai thực hiện chính sách này.

2. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ khuyến khích thành lập, phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh.

3. Tổng hợp nhu cầu vốn hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ của các địa phương, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí.

4. Theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ hàng năm cho các huyện để tổ chức thực hiện chính sách này.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách hàng năm cho Ủy ban nhân dân các huyện để hỗ trợ các hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ.

2. Hướng dẫn thủ tục lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo chế độ quản lý tài chính hiện hành đối với từng nội dung hỗ trợ tại Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện tiến hành rà soát quỹ đất để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất cho hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích